

Số: 1108/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn
ngân sách nhà nước năm 2025, xã Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14; Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thanh Hóa: số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 tỉnh Thanh Hóa; số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/06/2025 về việc Sửa đổi Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 655/NQ-HĐND ngày 24/06/2025 của HĐND tỉnh

Thanh Hóa về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa điều chỉnh Quyết định 2742/QĐ-UBND ngày 225/08/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/8/2025 của HĐND xã Quảng Ninh khóa XXI kỳ họp thứ hai về việc tiếp nhận và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của xã Quảng Ninh sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 04/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Ninh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công xã Quảng Ninh; tiếp nhận kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các xã trước sắp xếp vào kế hoạch đầu tư công xã Quảng Ninh; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Quảng Ninh mới;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 04/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, xã Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025, xã Quảng Ninh với các nội dung sau:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công 2025 sau điều chỉnh, bổ sung: 135.242 triệu đồng.
- Phân bổ từ nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên: 60.008 triệu đồng
- Phân bổ từ nguồn thu điều tiết tiền sử dụng đất của xã năm 2025 số vốn: 75.234 triệu đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện các dự án, theo đúng quy định của pháp luật về Đầu tư công, xây dựng và ngân sách nhà nước.
- Lập kế hoạch chi tiết hàng năm, gửi UBND xã xem xét, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.
- Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu, không để thất thoát, lãng phí.

Điều 3. Phòng Kinh tế, Kho bạc Nhà nước và Ban quản lý dự án thực hiện quản lý, kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND xã và cấp trên theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Ban quản lý dự án, Trưởng phòng giao dịch số 14 Kho bạc nhà nước khu vực XI, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- TT Đảng ủy (để b/c);
- TT HĐND xã (để b/c)
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG NINH**

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1108 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Quảng Ninh)

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở TK của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, Năm	Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:		
														Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ															
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ															
	TỈNH THANH HÓA, XÃ QUẢNG NINH								475.680.393	475.078.393	367.932.356	247.131.811	135.842.090	0	135.242.093	-
	Vốn trong nước								475.680.393	475.078.393	367.932.356	247.131.811	135.842.090	0	135.242.093	-
	Vốn nước ngoài, trong đó:															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi															
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước															
I	Vốn ngân sách nhà nước								475.680.393	475.078.393	367.932.356	247.131.811	135.842.090		135.242.093	-

	Vốn trong nước																
	Vốn nước ngoài, trong đó:																
	<i>- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi</i>																
	<i>- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước</i>																
1	Vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp xã)								475.680.393	475.078.393	367.932.356	247.131.811	135.842.090		135.242.093		-
a	Ngành, lĩnh vực giáo dục							-	97.987.650	97.987.650	84.304.286	63.853.367	25.595.486	0	25.595.486		-
1	Công trình: Sửa chữa cải tạo trường mầm non Quang Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	071	2022-2023	S116/QĐ-UBND ngày 6/12/2023	2.757.887	2.757.887	2.889.510	2.719.629	38.258	-	38.258		
2	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: San lấp và tường rào	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2016-2016	số 16/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	936.335	936.335	34.898	910.437	25.898	-	25.898		
3	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	217-2017	số 17/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	6.223.504	6.223.504	74.062	6.049.442	174.062	-	174.062		
4	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Nhà bếp 1 chiều và các hạng mục phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2017-2017	số 18/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	2.284.729	2.284.729	224.621	2.060.108	224.621	-	224.621		
5	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 5 phòng	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2017-2017	số 20/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	1.131.165	1.131.165	112.869	1.018.296	112.869	-	112.869		
6	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Đường giao thông, vỉa hè, rãnh thoát nước	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2018-2018	số 19/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	890.591	890.591	70.973	819.618	70.973	-	70.973		
7	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ, nhà nhạc họa, khuôn viên, bể nước, cầu nổi, sân gia công	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2018-2018	số 21/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	1.008.554	1.008.554	90.783	917.771	90.783	-	90.783		
8	Công trình Trường Mầm Non xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương. (Hạng mục: Khu nhà 2T10P và các hạng mục phụ trợ)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2023-2023	số 2923/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND huyện	10.509.501	10.509.501	10.509.501	10.266.105	243.396	-	243.396		

9	CT Trường Mầm Non. HM: Sửa chữa khu nhà cấp 4, khu bếp ăn, khuôn viên, công, vỉa hè, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, tháo bỏ công trình cũ, mua sắm trang thiết bị, đồ chơi phòng học và các hạng mục khác	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	071	2023-2023	số 120/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	2.270.828	2.270.828	3.000.000	2.007.834	262.994	-	262.994
10	Trường MN Quảng Hải (HM: Nhà hiệu bộ 2 tầng)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	071	2022	Số 122 ngày 14/6/2022	5.331.988	5.331.988	5.508.000	3.632.782	1.699.206	-	1.699.206
11	Trường mầm non xã Quảng Hải HM : Lớp học 2 tầng 10 phòng	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	071	2022	Số 92 ngày 20/5/2022	14.786.161	14.786.161	14.788.000	9.828.327	1.056.900		1.056.900
12	Xây dựng nhà làm việc cho ban giám hiệu, cải tạo sửa chữa trường mầm non và sửa chữa lớp học tình thương trường tiểu học xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	071	2021-2022	Số 208 ngày 27/11/2021	471.624	471.624	480.000	300.000	100.000		100.000
13	Trường Mầm non xã Quảng Hải; HM: Công viên, công tường rào và cải tạo nhà A, nhà B	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	071	2021	Số 68 ngày 12/10/2020	925.000	925.000	950.000	-	800.000		800.000
14	Sửa chữa, cải tạo Khu vệ sinh trường MN Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	071	2025-2026		1.200.921	1.200.921	1.200.921		1.200.921		1.200.921
15	Trường tiểu học Quảng Ninh. HM: Nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	072	2019-2019	Số 121d/QĐ-UBND ngày 01/09/2022	776.448	776.448	337.002	730.053	46.395	-	46.395
16	Trường tiểu học Quảng Ninh. HM: Cải tạo nhà lớp học 2T6P và 2T10P	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	072	2020-2020	Số 121b/QĐ-UBND ngày 1/09/2022	1.096.280	1.096.280	1.180.271	1.024.737	71.543	-	71.543
17	Trường tiểu học Quảng Ninh. HM: Công tường rào, khuôn viên, bể bơi	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	072	2020-2020	Số 121c/QĐ-UBND ngày 01/9/2022	693.356	693.356	746.020	647.688	45.668	-	45.668
18	Trường Tiểu học Quảng Nhân. HM: San lấp ao, công, tường rào và các hạng mục phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265466	072	2019-2019	số 32/QĐ-UBND ngày 04/5/2020	785.663	785.663	128.953	758.892	26.771	-	26.771
19	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: Nhà lớp học 2 tầng kết hợp nhà hiệu bộ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	072	2019-2019	số 109 /QĐ-UBND ngày 21/7/2023	5.869.316	5.869.316	1.248.973	5.301.329	567.987	-	567.987
20	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: San nền, tường rào, sân bê tông, sân khấu	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	072	2019-2019	số 108/QĐ-UBND ngày 21/07/2023	1.055.355	1.055.355	274.311	870.000	185.355	-	185.355

21	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: Sân lát gạch	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	072	2020- 2020	số 107/QĐ- UBND ngày 21/07/2023	1.029.819	1.029.819	1.109.391	700.000	329.819	-	329.819	
22	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Tiểu học Quảng Hải (Khu nhà A, Nhà B, Nhà C)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	072	2020	Số 685 ngày 6/12/2022	1.080.396	1.080.396	1.200.000	1.033.053	47.343	-	47.343	
23	Trường tiểu học xã Quảng Hải. Hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà xe, phá dỡ và đi dòi đường điện	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	072	2020- 2021	Số 189 ngày 31/12/2021	486.263	486.263	520.182	475.435	10.828	-	10.828	
24	Trường tiểu học xã Quảng Hải, Hạng mục: Hệ thống thoát nước, cấp nước chờ, trát lại hàng rào	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	072	2020- 2021	Số 318 ngày 30/12/2022	500.245	500.245	560.000	489.944	10.301		10.301	
25	Xây dựng trường tiểu học xã Quảng Hải HM : Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	072	2021	Số 406 ngày 30/7/2021	6.707.262	6.707.262	7.400.000	5.781.000	250.000		250.000	
26	Trường tiểu học xã Quảng Hải, HM: Nhà hiệu bộ 2 tầng	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	072	2018- 2019	Số 29 ngày 30/10/2018	2.276.554	2.276.554	2.350.000	1.788.000	250.000		250.000	
27	Sửa chữa Khu vệ sinh và rãnh thoát nước trường Tiểu học Quảng Ninh(cũ)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	072	2025		250.000	250.000	2.500.000		250.000		250.000	
28	CT Trường THCS Quảng Ninh. HM: Cải tạo nhà lớp học 1 tầng, cầu nối nhà hiệu bộ, nhà xe, khuôn viên và bổ sung trang thiết bị	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	073	2020- 2021	Số 121/QĐ- UBND ngày 22/10/2021	1.997.249	1.997.249	1.997.249	1.957.654	39.595		39.595	
29	Trường THCS xã Quảng Hải, Huyện Quảng Xương : xây dựng khuôn viên,rãnh thoát nước, sửa chữa một số hạng mục nhà lớp hư hỏng xuống cấp	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	073	2022	số 169/QĐ ngày 03/08/2022	3.398.267	3.398.267	3.431.953	1.682.800	1.000.000		1.000.000	
30	Trường THCS xã Quảng Hải, Huyện Quảng Xương, Hạng mục : sửa chữa một số lớp học bị hư hỏng ,xuống cấp và mua sắm thiết bị	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	073	2022	số 166/QĐ ngày 02/08/2022	1.956.389	1.956.389	2.085.843	82.433	1.000.000		1.000.000	
31	Xây dựng Trường THCS Quảng Nhân, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	073	2025	689/QĐ- UBND ngày 01/3/2025	17.300.000	17.300.000	17.300.000		15.363.000		15.363.000	
b	Ngành, lĩnh vực văn hóa thông tin								15.334.190	15.334.190	14.725.000	8.957.648	4.348.959	0	4.348.959	0

32	Hội trường nhà văn hóa đa năng, Hạng mục: Hội trường nhà văn hóa đa năng và các hạng mục phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	161	2019	Số 1917 ngày 27/6/2019	4.060.573	4.060.573	4.061.000	4.029.398	31.175	-	31.175	
33	Xây dựng nhà văn thôn Đại xã Quảng Hải; Hạng mục: Cổng, tường rào, công bản qua đường, sân bê tông, sân lát gạch	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	161	2024	Số 29 ngày 8/5/2025	1.182.516	1.182.516	1.200.000	-	1.182.516	-	1.182.516	
34	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đại xã Quảng Hải, Hạng mục: Xây dựng nhà văn hóa và san lấp mặt bằng	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	161	2024	Số 30 ngày 8/5/2025	2.907.333	2.907.333	3.000.000	-	1.635.268	-	1.635.268	
35	Xây dựng Nhà văn thôn 1 xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	161	2021	Số 44 ngày 20/4/2021	7.183.768	7.183.768	6.464.000	4.928.250	1.500.000		1.500.000	
b	Ngành, lĩnh vực phát thanh								400.000	400.000	400.000	0	400.000	-	400.000	0
36	Sửa chữa đài truyền thanh xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh		191	2025-2026	Số ngày / /20	400.000	400.000	400.000		400.000	-	400.000	
	Ngành, lĩnh vực nông - lâm - thủy lợi - hải sản								35.081.356	35.081.356	28.550.417	22.138.302	11.729.455	0	11.729.455	-
37	Công trình Cầu qua sông Định Ninh, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	283	2021-2021	QĐ số 4376/QĐ-UBND ngày 8/9/2023	2.140.506	2.140.506	2.496.195	2.091.250	49.256	-	49.256	
38	Công trình: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng. HM; Tuyến mương Đồng Lâm	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	283	2023-2023	Số 165/QĐ-UBND ngày 7/10/2024	1.066.024	1.066.024	1.141.000	899.997	166.027		166.027	
39	Kiên cố hóa tuyến kênh từ đập Hùng Bình đi đường liên thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Kênh và CTTK đoạn từ K0+0,0-K0+191,41	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	283	2019-2019	số 112/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	568.811	568.811	149.336	447.761	121.050		121.050	
40	Kiên cố hóa kênh từ đường liên thôn 6 đến kênh B30 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Kênh và CTTK đoạn từ K0+0,0-K0+467,09	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	283	2019-2019	số 110/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.122.071	1.122.071	200.778	979.468	142.603		142.603	
41	Mương tưới tiêu từ trạm bơm số 2 đi ngã tư thôn Tân Đại xã Q Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2020	Số 319 ngày 30/12/2022	840.794	840.794	976.000	781.182	59.612	-	59.612	

42	Mương thoát nước mặt đường từ nhà văn hóa thôn 8 đi sông Rào xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2021	Số 185/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	1.118.746	1.118.746	1.200.000	1.085.552	33.194	-	33.194
43	Cải tạo hệ thống kênh mương xã Quảng Hải, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa HM : tuyến 1 : Đoạn từ trường mầm non đi thôn 9, tuyến 2 : nhà anh ninh tuân thôn 2, tuyến 3 ngã 3 Ninh Nhân Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2021-2021	Số 136/QĐ ngày 28/6/2022	1.077.527	1.077.527	1.183.000	1.060.164	17.363	-	17.363
44	Xây dựng kênh mương từ rọc cây thị đến Đồng Rào thôn 1, xã Q hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2022	Số 15 ngày 17/2/2022	1.109.788	1.109.788	1.300.000	770.000	339.788	-	339.788
45	Xây dựng mương tiêu nước khu dân cư thôn 10 xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2022	Số 83 ngày 16/5/2022	2.271.280	2.271.280	2.500.000	1.300.000	971.280	-	971.280
46	Mương thoát nước mặt đường 4C từ nhà văn hóa thôn 10 đi Sông Rào	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2021	Số 224 ngày 31/12/2021	856.644	856.644	900.000	820.892	35.752	-	35.752
47	CT kênh mương tưới tiêu nội đồng từ đường Ninh-Nhân-Hải đi Hàn Sùng-Nhà văn hoá thôn Đại (HM: Kênh mương nội đồng từ tuyến 1-tuyến 3)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2021-2022	Số 01 ngày 03/1/2023	1.088.593	1.088.593	1.170.000	1.032.236	56.357	-	56.357
48	Trạm bơm thôn 6 và kênh tưới trạm bơm từ kênh Hùng Bình thôn 6 đến thôn 5, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8078036	283	2024-2024	1386/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	8.472.065	8.472.065	4.672.000	3.800.000	4.672.065	-	4.672.065
49	Xây dựng cầu qua sông Định - Ninh. Hạng mục: Cầu giao thông, nắn chỉnh lại tuyến đường Ninh - Nhân - Hải tại vị trí cầu	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8005347	283	2024-2024	2424/QĐ-UBND ngày 24/05/2024	4.565.621	4.565.621	2.065.621	2.500.000	2.065.621	-	2.065.621
50	Xây dựng mương tiêu nước khu dân cư thôn 8 và thôn 9 xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2022	Số 105 ngày 31/5/2022	2.302.805	2.302.805	2.350.000	1.350.000	500.000	-	500.000
51	Nâng cấp bể chứa nước trạm bơm số 1+ 70m kênh mương và xây dựng mới kênh mương từ nhà anh Hòa Han đến nhà anh Kiên Nga	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2021	Số 73 ngày 16/6/2021	872.080	872.080	950.000	652.500	100.000	-	100.000
52	XD kênh mương tưới tiêu nội đồng từ đường Ninh-Nhân-Hải đi Hàn Sùng - Nhà văn hóa thôn Đại xã Quảng Hải (HM: Kênh mương nội đồng từ tuyến 4 đến tuyến 7)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2021	Số 196/QĐ-UBND ngày 9/11/2021	1.192.566	1.192.566	1.195.000	680.000	350.000	-	350.000

53	CT Mương cấp 1 từ trạm bơm đến đường Ninh Nhân Hải xã Quảng Hải (Tuyến mương chính và các công trình trên mương)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2019	Số 39 ngày 18/7/2019	1.111.869	1.111.869	1.112.000	877.300	100.000	100.000		
54	Mương cấp 1 từ trạm bơm đi đường Nhân Ninh Hải xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Tuyến từ nhà văn hóa thôn Bôi Nguyên đến đường 4B	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2019	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/09/2019	299.975	299.975	300.000	100.000	150.000	-	150.000	
55	Xây dựng mương tiêu nước khu di tích văn hóa cấp tỉnh Nghệ Yên Nam , xã Q Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2022	số 96/QĐ ngày 27/05/2022	449.109	449.109	450.000	270.000	100.000	-	100.000	
56	CT Mương thoát nước khu Khuia Già thôn 1 Quảng Hải. HM: Nền, mặt đường	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2020	Số 25/QĐ-UBND ngày 27/04/2020	837.494	837.494	390.000	640.000	100.000	-	100.000	
57	Mương thoát nước, cổng qua đường trường THCS xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	283	2023	số 58/QĐ ngày 19/6/2023	517.501	517.501	650.000	-	400.000	-	400.000	
58	Mương thoát nước dọc Trường mầm non, Trường tiểu học, THCS Quảng Hải, xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa.	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh		283	2025-2026	số /QĐ ngày / /20	1.199.487	1.199.487	1.199.487	-	1.199.487	-	1.199.487	
e	Ngành, lĩnh vực giao thông								195.231.096	195.231.096	168.353.969	75.906.621	59.192.139	0	59.192.139	-
59	Mở rộng nâng cấp đường từ UBND xã đi trường THCS	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2021-2022	Số 119/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	3.377.249	3.377.249	4.280.302	3.275.999	101.250		101.250	
60	Đường giao thông xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường GTNT xóm Đình, thôn Ninh Dụ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2023-2023	Số 203/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	839.126	839.126	885.050	827.750	11.376		11.376	
61	CT: Cải tạo, mở rộng đường GTNT Ninh Phạm. HM: Tuyến đường bê tông sau khu nghĩa trang + tuyến đường bê tông xóm đầu cầu	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2023-2023	Số 84/QĐ-UBND ngày 18/08/2023	585.858	585.858	670.000	536.877	48.981		48.981	
62	CT: Đường giao thông thôn Quảng Ninh, HM: Tuyến đường ống Xô đi bà Hường	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2023-203	Số 84/QĐ-UBND ngày 18/08/2023	598.419	598.419	680.000	550.000	48.419		48.419	
63	Đường GT xã Quảng Ninh. HM: Các tuyến đường bê tông thôn Thọ Thái	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2023-2023	Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	1.054.856	1.054.856	1.181.147	867.000	187.856		187.856	

64	Ct Đường GT xã Q.Ninh. HM: Tuyến đường từ Ước Thành đi Ninh Phúc	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2023-2023	Số 148/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	564.519	564.519	650.000	507.700	56.819	56.819		
65	CT Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trạm bơm Ninh Dự đi Thọ Thái Ninh Dự. HM: Nền, mặt đường và rãnh thoát nước	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2022-2023	Số 178/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	6.177.423	6.177.423	6.260.000	6.063.688	113.735	113.735		
66	CT Đường giao thông xã Quảng Ninh. HM: Tuyến đường bê tông từ đường Cung-Cầu Lý đi ông Lợi	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2021-2022	Số 44/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	904.954	904.954	979.647	782.000	122.954	122.954		
67	CT Cải tạo, mở rộng đường đường GT Ninh Dự. HM: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2021-2022	Số 45/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	8.992.207	8.992.207	9.050.000	7.747.868	1.244.339	1.244.339		
68	Đường giao thông bê tông vào nhà văn hóa thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nền mặt đường và cống	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2019-2019	số 113/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.141.514	1.141.514	273.003	902.400	239.114	239.114		
69	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường từ nhà ông Dung đến nhà ông Nhân thôn 6	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2019-2019	số 109/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	637.515	637.515	415.513	506.082	131.433	131.433		
70	Đường giao thông nông thôn từ nhà văn hóa đi nhà anh Hoạt thôn 2 xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2021	số 141/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	1.222.594	1.222.594	1.260.164	1.208.733	13.861	13.861		
71	Đường giao thông nông thôn xóm 7 thôn 2 xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2021	số 140/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	950.773	950.773	934.340	783.900	166.873	-	166.873	
72	Nâng cấp đường GTNT và chỉnh trang vỉa hè đường trục chính Nhà văn hóa thôn 5 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2022-2022	số 156/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	2.225.150	2.225.150	2.200.000	1.862.578	362.572	-	362.572	
73	Đường GTNT đoạn từ ngõ Bà Đạo đến kênh B30 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2021	số 24/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	683.385	683.385	724.116	596.800	86.585	-	86.585	
74	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Phát đến nhà ông Hiền xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2020-2021	số 68/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	713.162	713.162	757.918	627.600	85.562	-	85.562	

75	Đường giao thông thôn 1 (Tuyến từ ngõ bà Hòa đến ngõ ông Hoat và từ ngõ ông Tham đến đường Ninh Nhân Hải phía nam) xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2021	số 22/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	1.271.213	1.271.213	1.427.000	860.000	411.213	-	411.213
76	Đường GTNT thôn 3 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: tuyến đường ông Doan, ông Hiền, anh Hương, anh Thêm, anh Thuận	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2021	số 86/QĐ-UBND ngày 21/06/2024	1.196.238	1.196.238	1.500.000	1.009.744	186.494	-	186.494
77	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhóm 7 thôn 2 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2022	số 67/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	3.287.302	3.287.302	3.500.000	1.758.593	1.528.709	-	1.528.709
78	Đường giao thông và hệ thống thoát nước xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Tuyến đường và rãnh thoát nước từ thôn 3 đi thôn 4	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2020-2020	số 1083/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND huyện	3.773.056	3.773.056	2.320.695	3.507.515	265.541	-	265.541
79	Cải tạo, mở rộng đường giao thông từ bưu điện đến nhà bà Nga thôn 1 xã Quảng Nhân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2021-2021	số 42/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	2.046.993	2.046.993	2.170.000	1.656.227	390.766	-	390.766
80	Sửa chữa nâng cấp dải phân cách trước công sở, xây tường rào chỉnh trang đường giao thông, xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2024-2024	số 50 /QĐ-UBND ngày 03/4/2025	273.724	273.724	300.000	-	273.724	-	273.724
81	Công trình: Nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường và mương thoát nước đoạn từ UBND xã qua Trường TH, THCS đến kênh B30 để phục vụ CTMTQG Nâng cao chất lượng môi trường; Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn tại xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2024-2024	số 73/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	2.941.454	2.941.454	4.500.000	2.520.000	421.454	-	421.454
82	Xây dựng tuyến đường nhựa nhựa từ nhà anh Phúc Hiền (đường 4B) đến nhà ông Lâm Dụng thôn 1 xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2022	số 74/QĐ/UBND ngày 4/05/2022	3.188.611	3.188.611	3.800.000	2.270.000	918.611	-	918.611

83	Nâng cấp đường giao thông từ ngã 3 ông Tâm tắt đến ngã 3 đường kiềng Lâm thôn Bào Tiến xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2022	số 114/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	1.187.509	1.187.509	1.240.000	900.000	287.509	-	287.509
84	Xây dựng đường giao thông từ cống cao thôn Bồi Nguyên đến cầu thôn 8 xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2022-2022	Số 117/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	3.981.982	3.981.982	4.800.000	3.311.121	670.861	-	670.861
85	Đường và mương thoát nước từ Cống Cao thôn Bồi Nguyên đến đường Ninh Nhân Hải thôn Bào Tiến xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2023	Số 116 ngày 30/12/2024	3.498.098	3.498.098	3.580.000	408.739	3.089.359	-	3.089.359
86	Đường giao thông thôn 10 xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2023	Số 118 ngày 30/12/2024	1.094.758	1.094.758	1.200.000	90.850	1.003.908	-	1.003.908
87	Đường GT thôn 8 xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2023	Số 119 ngày 30/12/2024	993.095	993.095	1.020.000	-	993.095	-	993.095
88	Đường và mương đĩnh Đại đi cầu chuỗi thôn 1 xã Quảng Hải HM : nền, mặt đường công trình thoát nước	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2021-2022	Số 34 ngày 30/5/2025	7.551.581	7.551.581	8.000.000	4.619.133	2.932.448	-	2.932.448
89	Đường giao thông nông thôn thôn Đại xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2024	Số 31 ngày 8/5/2025	2.262.981	2.262.981	2.200.000	100.000	2.162.981	-	2.162.981
90	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường trên địa bàn thôn Đại xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2024	Số 32 ngày 8/5/2025	2.018.905	2.018.905	2.050.000	207.435	1.811.470	-	1.811.470
91	Đường giao thông từ thôn Đại đi Quảng Giao xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương (HM: Nền, mặt đường, công ngang đường)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2020	Số 50 ngày 27/4/2020	582.765	582.765	540.000	410.000	172.765	-	172.765
92	Nâng cấp, cải tạo đường từ xã Quảng Đức đi xã Quảng Ninh (Đoạn từ thị trấn Tân Phong đến địa phận xã Quảng Ninh), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nền, mặt đường và các công trình thoát nước	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8028479	292	2024-2024	4070/QĐ-UBND ngày 30/08/2024	14.531.745	14.531.745	5.332.000	9.200.000	5.331.745	-	5.331.745
93	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh - Nhân - Hải, đoạn qua xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương.	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8078031	292	2024-2025	1261/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	15.613.757	15.613.757	5.214.000	10.400.000	5.213.757	-	5.213.757

94	CT: Mở rộng, nâng cấp đường Ninh - Nhân - Hải. HM: Hoàn trả tường rào, công nghệ, bán bình	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2024-2024	Số 52/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.593.175	1.593.175	1.600.000	882.680	550.000	550.000	
95	CT: Mở rộng mặt đường từ xã Quảng Đức đi xã Quảng Ninh (đoạn qua địa phận xã Quảng Ninh)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	292	2024-2024	Số 91/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	1.189.220	1.189.220	1.190.000	-	1.070.000	1.070.000	
96	Đường giao thông từ thôn 3 đi thôn 4 xã Quảng Hải; Hàng mục: nền mặt đường và công ngang đường	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2019	Số 62/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.432.326	3.432.326	3.332.000	2.389.609	600.000	600.000	
97	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Hải HM : tuyến đường UBND xã Quảng Hải đi trường tiểu học và tuyến đường ven biển đi đường 4C thôn 8 thôn 10	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	292	2021-2022	Số 577/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	2.392.891	2.392.891	2.417.098	1.758.000	350.000	350.000	
98	Đường giao thông nối đường Ninh - Nhân - Hải đến đường Xóm Thẳng đi đường Thanh Niên, huyện Quảng Xương. Hàng mục: Nền, mặt đường	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2022-2025	số 2239/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện	6.768.515	6.768.515	5.500.000		2.000.000	2.000.000	
99	Nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường và mương thoát nước đoạn từ đường tỉnh lộ 511 đi qua nhà văn hoá thôn 2 để phục vụ CTMTQG Nâng cao chất lượng môi trường; Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn tại xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2025	số 56/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	3.970.522	3.970.522	4.000.000		2.534.000	2.534.000	
100	Tu sửa tuyến đường 4B đoạn qua xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8132136	292	2025	2523/QĐ-UBND ngày 17/06/2025	13.938.000	13.938.000	13.938.000		13.000.000	13.000.000	
101	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh - Nhân - Hải, đoạn qua xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8145928	292	2025	1284/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	9.981.976	9.981.976	9.981.976		7.500.000	7.500.000	
102	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh - Nhân - Hải, đoạn từ trước UBND xã Quảng Nhân (cũ) đến Đường 4C, xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hoá	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	292	2025		50.000.000	50.000.000	40.500.000		500.000	500.000	

ê	Ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước		KBNNKV XI- PGD số 14						131.646.101	131.044.101	71.598.684	76.275.873	34.576.051	0	33.976.054	-
103	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Ninh Phúc, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2021-2022	Số 175d/QĐ-UBND ngày 5/12/2022	1.007.933	1.007.933	1.054.230	987.739	20.194	-	20.194	
104	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2022-2022	Số 193b/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	2.157.610	2.157.610	2.298.810	2.142.836	14.774	-	14.774	
105	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ninh Phạm, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2022-2022	Số 195/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	2.005.966	2.005.966	2.143.826	1.992.370	13.596	-	13.596	
106	Công sở xã Quảng Ninh. HM: Cải tạo, nâng cấp khuôn viên, bổ sung trang thiết bị nhà làm việc, phòng họp, tường rào, khuôn viên nhà bia	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2023-2023	Số 121/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	620.261	620.261	700.000	400.000	220.261	-	220.261	
107	Trung tâm VH Ninh Dự. HM: Phòng đọc, khu vệ sinh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2023-2023	Số 09/QĐ-UBND ngày 11/1/2024	451.165	451.165	500.000	250.000	201.165	-	201.165	
108	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phúc Thành (cũ) làm nhà trực dân quân; Sản xuất lắp đặt dụng cụ thể thao tại khu trung tâm văn hóa xã và các thôn, bổ sung các thiết chế văn hóa tại các nhà văn hóa (tranh cổ động, cờ, bảng nội quy, rèm sân khấu)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2023-2023	Số 150/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	803.251	803.251	900.000	200.000	603.251	-	603.251	
109	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thôn Thọ Thái, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2023-2024	Số 151/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	1.077.071	1.077.071	1.160.000	800.000	277.071	-	277.071	
110	CT: Cải tạo nhà làm việc 2 tầng; Nhà hội trường công sở xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2024-2024	Số 39/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	1.022.274	1.022.274	1.141.000	-	1.022.274	-	1.022.274	
111	Nâng cấp, sửa chữa công sở và nhà văn hóa các thôn xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2021-2021	số 114/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.657.862	1.657.862	1.750.000	1.271.100	386.762		386.762	
112	Công sở xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà làm việc 1 tầng và hạng mục phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2018-2018	số 105/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	2.218.756	2.218.756	730.000	1.857.950	360.806		360.806	
113	Công sở xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà vệ sinh và hạng mục phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2019-2019	số 106 /QĐ-UBND ngày 21/7/2023	550.133	550.133	273.000	330.000	220.133		220.133	

114	Xây dựng nhà văn hoá thôn 1 xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2023-2023	số 55/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	1.522.599	1.522.599	2.500.000	1.423.042	99.557		99.557	
115	Công viên cây xanh khu dân cư thôn 1 xã Quảng hải; Hàng mục: san lấp, khuôn viên, bồn cây, rãnh thoát nước, công tường rào và hệ thống điện	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2021-2022	Số 683/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	4.131.509	4.131.509	4.517.000	4.047.372	84.137		84.137	
116	Công sở UBND xã Quảng Hải , huyện Quảng Xương HM : Khuôn viên, công tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ, sửa chữa công sở	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2021	Số 182 ngày 30/6/2021	3.337.711	3.337.711	3.800.000	2.808.612	529.099	-	529.099	
117	Biển chỉ dẫn tên đường, ngõ ngách, số nhà trên địa bàn xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2024-2025	Số 74 ngày 17/9/2024	543.505	543.505	850.000	-	543.505	-	543.505	
118	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, dân cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường giao thông nối TP Sầm Sơn với khu kinh tế Nghi Sơn (giai đoạn 1) đoạn qua xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương (giai đoạn 2)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7794508	341	2024-2024	4068/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.075.859	12.075.859	2.058.859	10.017.000	2.058.859	-	2.058.859	
119	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa, chính trị, thể thao xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7835971	341	2021-2021	2527/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	30.032.914	30.032.914	2.197.914	27.835.000	2.197.914		2.197.914	
120	lập Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Ninh Phạm (VT2) xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8048648	341	2024-2024	5776/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	86.856	86.856	86.856	-	86.856		86.856	
121	lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Ước Thành (VT2) xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8048645	341	2024-2024	5773/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	128.703	128.703	128.703	-	128.703		128.703	
122	lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Ước Thành (VT1) xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương.	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8048647	341	2023-2023	5777/QĐ-UBND ngày 14/03/2023	120.611	120.611	120.611	-	120.611		120.611	
123	Trạm y tế xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Hàng mục: Cải tạo	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2021	Số 682/QĐ ngày 2/12/2022	308.580	308.580	309.000	287.000	21.580		21.580	
124	Xây dựng ĐĐ 22 KV và TBA số 9: 250kVA-22/0,4kV xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2021-2021	QĐ số 50/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	248.216	248.216	248.000	180.000	20.000		20.000	

125	Xây dựng ĐĐ 22 KV và TBA số 10: 250kVA-22/0,4kV xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2023-2023	QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 8/6/2023 của UBND xã Quảng Nhân	237.933	237.933	250.000	169.979	19.000	19.000
126	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 6, xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2022-2022	QĐ số 948/QĐ-UBND ngày 8/3/2022 của UBND huyện Q.Xương	1.999.245	1.999.245	2.000.000	1.600.000	269.702	269.702
127	Xây dựng nhà văn hoá thôn 4 xã Quảng Nhân	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2023-2024	QĐ số 74/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND xã Quảng Nhân	1.512.989	1.512.989	2.000.000	1.030.000	395.768	395.768
128	Di chuyển trạm hạ thế trước trường Mầm non	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7261766	341	2023-2023	QĐ số 95/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND xã Quảng Nhân	310.451	310.451	350.000	236.215	28.000	28.000
129	Chỉnh trang NTM xã Quảng Ninh HM: Biển tên đường, cắm tải trọng và sơ gờ giảm tốc, pano, bảng maket điện tử	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2023-2023	Số 26/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	1.131.233	1.131.233	1.150.000	812.658	100.000	100.000
130	Cải tạo, nâng cấp khu văn hóa thể thao thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2024-2025	QĐ số 199/QĐ-UBND ngày 14/12/2024	276.183	276.183	280.000	100.000	100.000	100.000
131	Lập Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Ước Thành, xã Quảng Ninh,	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2021-2022	QĐ số 628/QĐ-UBND huyện ngày 08/10/2021	68.838	68.838	70.000	-	60.000	60.000
132	Nâng cấp khuôn viên công sở xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2025	Số 10/QĐ-UBND ngày 14/01/2025	264.184	264.184	652.000	-	230.000	230.000
133	Công sở UBND xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà bếp công sở, nhà vệ sinh và công trình phụ trợ	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2022-2023	Số: 227/QĐ-UBND ngày 16/ 12 /2022	1.075.959	1.075.959	1.080.000	-	900.000	900.000

134	Công trình bồn hoa từ chợ Đại đi ra thôn 9 và khu vực các nhà trường xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2022	Số 99 ngày 27/5/2022	997.476	997.476	998.000	519.000	350.000		350.000
135	Xây dựng đường dây điện 0,4kv cấp điện tưới tiêu nước ruộng rau xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2022	Số 114 ngày 9/5/2022	1.180.725	1.180.725	1.181.000	600.000	450.000		450.000
136	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải đến 2030	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2020	Số 102 ngày 20/9/2020	382.839	382.839	350.000	100.000	200.000		200.000
137	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng CNTT và Hợp nhất trang thông tin điện tử xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2025	Số 48 ngày 10/6/2025	247.212	247.212	247.000	-	247.212		247.212
138	Nhà điều trị, công và khuôn viên Trạm y tế xã Quảng Hải	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7211930	341	2023	Số 88 ngày 27/9/2023	8.567.754	8.567.754	6.500.000	1.730.000	5.745.000		5.745.000
139	lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8048644	341	2025	3434/QĐ-UBND ngày 19/07/2023	401.316	401.316	401.316	-	200.000		200.000
140	lập quy hoạch xây dựng chi tiết, tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn 9 và thôn 10, xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8111670	341	2025	1246/QĐ-UBND ngày 28/03/2022	207.578	207.578	208.000	-	150.000		150.000
141	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8149896	341	2025	1591/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	2.898.500	2.898.500	2.899.000	-	1.500.000		1.500.000
142	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, dân cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường giao thông nối TP Sầm Sơn với khu kinh tế Nghi Sơn (giai đoạn 1) đoạn qua xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Đường giao thông nối từ đường ven biển vào khu tái định cư và từ khu tái định cư đến khu dân cư thôn 1	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7996035	341	2025	4412/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	3.488.487	3.488.487	6.056.000	139.000	500.000		500.000
143	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc HĐND-UBND và Trung tâm phục vụ HCC xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8171064	341	2025		3.809.050	3.809.050	3.809.000		2.550.000		2.550.000
144	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia Quảng Nhân (cũ)	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh		341	2025		1.641.164	1.641.164	1.641.164		1.641.164		1.041.167

145	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Tây Quốc lộ 1A, xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	7265452	341	2025		1.805.702	1.203.702	602.000		601.702		601.702	
146	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Đảng ủy, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	KBNNKV XI- PGD số 14	Xã Quảng Ninh	8171067	341	2025		998.895	998.895	999.000		700.000		700.000	
147	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 3, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	xã Quảng Ninh	KBNN KV X - PGD số 14	Xã Quảng Ninh	78359 71	341	2023-2024	1125/QĐ-UBND ngày 18/03/2024	30.032.914	30.032.914	6.407.266	12.409.000	6.407.266		6.407.266	
148	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc nhà Công an, khu nhà quân sự xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hoá	xã Quảng Ninh	KBNN KV X - PGD số 14	Xã Quảng Ninh		341	2025-226		2.000.129	2.000.129	2.000.129		2.000.129		2.000.129	

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

Chủ tịch UBND xã

Nguyễn Bá Tài